

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ QUẢNG YÊN
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 02/2024/QĐCNHGT - DS

Quảng Yên, ngày 13 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN

Căn cứ các Điều 32, 33, 34 và 35 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ vào yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành của **Ngân hàng TMCP Q (MB)** và ông **Bùi Mạnh H.**

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện Tranh chấp hợp đồng tín dụng đề ngày 05 tháng 6 năm 2024 của **Ngân hàng TMCP Q (MB)**.

- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 28 tháng 8 năm 2024 về việc thỏa thuận giải quyết toàn bộ tranh chấp của các bên tham gia hòa giải sau đây:

Người khởi kiện: **Ngân hàng thương mại cổ phần Q (MB)**; Địa chỉ trụ sở: **số A L, phường T, quận C, thành phố Hà Nội**. Người đại diện theo pháp luật: ông **Lưu Trung T** – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị;

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: ông **Phạm Tiến Đ** và ông **Nguyễn Văn O** – Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ, **Cty TNHH Quản lý nợ KTTS Ngân hàng Q**; địa chỉ: **tầng C, tòa nhà M - số F, lô C L, phường L, quận N, thành phố Hải Phòng** (Theo Giấy uỷ quyền số 7245/ UQ – MBAMC ngày 05/6/2024).

Người bị kiện: ông **Bùi Mạnh H**, sinh năm 1986; nơi thường trú: **khu B, phường H, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh**.

- Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do Tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Kết quả hòa giải thành được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 28 tháng 8 năm 2024 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận kết quả hòa giải thành được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 28 tháng 8 năm 2024, cụ thể như sau:

- Đối với Hợp đồng tín dụng: Tính đến ngày 28/8/2024, ông **Bùi Mạnh H** còn vay nợ **Ngân hàng Thương mại cổ phần Q** tổng số tiền là: 1.114.404.551đ (một tỉ một trăm mười bốn triệu bốn trăm linh bốn nghìn năm trăm năm mươi một đồng), trong đó nợ gốc là: 972.226.877đ (chín trăm bảy mươi hai triệu hai trăm hai mươi sáu nghìn tám trăm bảy mươi bảy đồng), nợ lãi trong hạn là: 128.122.777đ (một trăm hai mươi tám triệu một trăm hai mươi hai nghìn bảy trăm bảy mươi bảy đồng), lãi quá hạn là: 7.174.872đ (bảy triệu một trăm bảy mươi tư nghìn tám trăm bảy

mười hai đồng), phí phạt chậm trả lãi: 6.880.025đ (sáu triệu tám trăm tám mươi nghìn không trăm hai mươi lăm đồng) theo Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 0001.23.606.24709970.TD ngày 18/01/2023 và Hợp đồng tín dụng số 2.23.606.24709970.TD ngày 01/03/2023 ký giữa Ngân hàng TMCP Q và ông Bùi Mạnh H.

Ông Bùi Mạnh H với Ngân hàng Thương mại cổ phần Q thống nhất phương án trả nợ cụ thể như sau:

Chấm dứt trước hạn hợp đồng cho vay số 0001.23.606.24709970.TD ngày 18/01/2023 và Hợp đồng tín dụng số 2.23.606.24709970.TD ngày 01/03/2023 ký giữa Ngân hàng TMCP Q và ông Bùi Mạnh H.

Chậm nhất đến ngày 30/9/2024, ông Bùi Mạnh H phải trả toàn bộ dư nợ còn lại bao gồm các khoản nợ gốc, lãi tính đến ngày 28/8/2024 là: 1.114.404.551đ (một tỉ một trăm mười bốn triệu bốn trăm linh bốn nghìn năm trăm năm mươi một đồng), trong đó nợ gốc là: 972.226.877đ (chín trăm bảy mươi hai triệu hai trăm hai mươi sáu nghìn tám trăm bảy mươi bảy đồng), nợ lãi trong hạn là: 128.122.777đ (một trăm hai mươi tám triệu một trăm hai mươi hai nghìn bảy trăm bảy mươi bảy đồng), lãi quá hạn là: 7.174.872đ (bảy triệu một trăm bảy mươi tư nghìn tám trăm bảy mươi hai đồng), phí phạt chậm trả lãi: 6.880.025đ (sáu triệu tám trăm tám mươi nghìn không trăm hai mươi lăm đồng); Và các khoản tiền nợ lãi, tiền phạt phát sinh theo lãi suất quá hạn thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng đã ký, kể từ ngày 29/8/2024 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP Q theo Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 0001.23.606.24709970.TD ngày 18/01/2023 và Hợp đồng tín dụng số 2.23.606.24709970.TD ngày 01/03/2023 ký giữa Ngân hàng TMCP Q và ông Bùi Mạnh H.

Nếu ông Bùi Mạnh H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ nêu trên thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Q được yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 90062.23.606.24709970.TD ngày 18/01/2023 đã ký kết giữa ông Bùi Mạnh H với Ngân hàng Thương mại cổ phần Q là: Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất có địa chỉ tại: khu B, phường H, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh thuộc thửa đất số: thửa 194 tách ra từ thửa 105, tờ bản đồ số: 51 (tương ứng thửa 162, tờ bản đồ 02 cũ); diện tích: 200m²; hình thức sử dụng: sử dụng riêng; Đất ở: 200m²; chung: 0m²; mục đích sử dụng: đất ở tại đô thị; thời hạn sử dụng: đất ở: lâu dài; nguồn gốc sử dụng: Công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD 062622, số vào sổ cấp GCN: CH010488 do Ủy ban nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 10/02/2022, cho ông Bùi Mạnh H để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP Q theo quy định của pháp luật.

Trường hợp toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm sau khi trừ đi các chi phí thi hành án theo quy định của pháp luật mà không đủ thanh toán hết nghĩa vụ trả nợ của ông Bùi Mạnh H tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Q thì ông Bùi Mạnh H phải tiếp tục thanh toán số nợ còn lại và tiền lãi, phí phát sinh theo

Hợp đồng tín dụng số 0001.23.606.24709970.TD ngày 18/01/2023 và Hợp đồng tín dụng số 2.23.606.24709970.TD ngày 01/03/2023 đã ký kết giữa ông **Bùi Mạnh H** với **Ngân hàng Thương mại cổ phần Q** cho đến khi ông **Bùi Mạnh H** hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cho **Ngân hàng Thương mại cổ phần Q**.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bên vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

- Về chi phí tố tụng: Ông **Bùi Mạnh H** có nghĩa vụ trả **Ngân hàng Thương mại cổ phần Q** 5.000.000đ (năm triệu đồng) chi phí xem xét hiện trạng tài sản.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, mà người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho người được thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các bên tham gia hòa giải;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND thị xã Quảng Yên;
- THADS Thị xã Quảng Yên;
- Lưu TA.

THẨM PHÁN

Nguyễn Công Huy